

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày 08 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hà và bà Hoàng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Dương Quang N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/9/19xx tại xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (Học vấn) lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quang T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L (Đã chết) có vợ là Trịnh Thị N1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/6/2019 bị cáo đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-XPVPHC ngày 05/6/2019 bằng hình thức phạt tiền của Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn về hành vi đánh nhau; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 20 phút, ngày 06/02/2024, Tổ công tác Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra, kiểm soát tình hình an ninh trật tự tại khu vực bến xe khách huyện N thuộc tổ nhân dân B, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì phát hiện một nam giới có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã tiến hành mời người chứng kiến và các thành phần tham gia theo quy định để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày. Qua kiểm tra đối với người nam giới xác định là Dương Quang N. Kiểm tra phát hiện trên người N: Tại túi áo khoác bên trái đang mặc trên người 01 túi nilon trong suốt, bên trong chứa 02 cục chất màu trắng. Tổ công tác tiến hành trích một lượng nhỏ chất màu trắng thu giữ của N thử với thuốc thử Heroine do Bộ Công an cung cấp. Kết quả thuốc thử chuyển từ màu trong suốt sang màu tím, trùng với màu nhận biết

Heroine, thử xong tổ công tác đã gói lại như trạng thái ban đầu và niêm phong số chất màu trắng thu giữ của N trong phong bì ký hiệu A1. Ngoài ra tổ công tác không tạm giữ đồ vật, tài liệu gì thêm.

Hồi 12 giờ 20 phút ngày 06/02/2024, tại trụ sở Công an huyện N cùng có mặt Dương Quang N, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành cân xác định khối lượng 02 cục chất màu trắng thu giữ trên người N. Kết quả số chất màu trắng có tổng khối lượng là 1,606g. Sau khi cân xác định khối lượng, số chất màu trắng thu giữ của N được niêm phong trong phong bì ký hiệu B1 để làm thủ tục gửi giám định theo quyết định trưng cầu giám định số 61 ngày 06/02/2024.

Hồi 14 giờ 07 phút ngày 06/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện N thi hành lệnh khám xét khẩn cấp số 19 ngày 06/02/2024 đối với nơi ở, công trình phụ cận của Dương Quang N (*Vắng mặt N tại buổi khám xét*), nhưng không phát hiện và không tạm giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của N.

Hồi 14 giờ 10 phút ngày 06/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện N lập biên bản tiến hành xét nghiệm nhanh ma túy đối với Dương Quang N, kết quả dương tính, N có sử dụng ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 76/KL-KTHS-MT ngày 13/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, trong đó mẫu chất màu trắng dạng cục lẫn bột trong phong bì ký hiệu B1 có khối lượng là 1,606g sau giám định còn lại 1,563g cùng phong bì, bao gói cũ được niêm phong vào trong phong bì mới ký hiệu T59 hoàn trả lại cho cơ quan trưng cầu.

Quá trình điều tra Dương Quang Nam thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và ăn năn hối cải phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được, cụ thể như sau:

Bản thân N người nghiện ma túy nên vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 06/02/2024, một mình N đi nhờ xe ô tô của một người không quen biết từ nhà ở của N thuộc thôn B, xã K, huyện N đến chợ đầu mối nông lâm sản thuộc thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến chợ N vào nhà vệ sinh trong chợ thì gặp một người nam giới không quen biết khoảng 30 tuổi; thấy giống như người nghiện ma túy nên hỏi mua ma túy với người này và được người nam giới đồng ý bán ma túy cho N, N đưa cho người nam giới này số tiền 200.000 đồng và được người nam giới đưa cho 01 túi nilon trong suốt, bên trong có 02 cục chất màu trắng. Sau khi mua ma túy xong N bỏ số ma túy vừa mua được vào túi áo khoác ngoài bên trái N đang mặc trên người rồi đi bộ ra bến xe khách; trên đường di chuyển thì bị tổ công tác Công an huyện N, phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản thân N không có tiền án, tiền sự.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T59, bên trong có chứa mẫu vật hoàn trả lại sau giám định là 1,563 ma túy loại Heroine cùng phong bì, bao gói cũ;

- 01 phong bì niêm phong có ký hiệu B2 bên trong có chứa 01 phong bì ký hiệu A1 đã mở niêm phong.

Các vật chứng hiện đang được bảo quản theo quy định của Pháp luật.

Với các tình tiết trên, tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-NR ngày 11/3/2024, Viện

kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử Dương Quang N về tội: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015)

Tại phiên tòa: Dương Quang N khai nhận toàn bộ hành vi, động cơ, mục đích phạm tội của bản thân đúng như lời khai của N tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố. Bản thân N mới nghiện ma túy, nên đã tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép ma túy; N sử dụng ma túy bằng phương thức hít ma túy chứ không tiêm chích ma túy. Ngoài ra N còn khai nhận: Nghề nghiệp của N là lao động tự do và là lao động chính trong gia đình; hiện có 01 con nhỏ, con lớn đang đi bộ đội. Tuy là lao động chính trong gia đình nhưng thu nhập không ổn định; bản thân N và vợ được trực tiếp thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng cha vợ là Trịnh Xuân T1 đã già yếu (Sinh năm 1953). Cha vợ là ông T1 được Nhà nước thưởng Hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhì. Trong quá trình điều tra N không bị thu giữ, tạm giữ đồ vật gì ngoài số ma túy đã bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Trong quá trình điều tra, truy tố N không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của điều tra viên, cơ quan điều tra; kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát. Trong phần tranh tụng, tranh luận và lời nói sau cùng, N đề nghị Tòa án xem xét cho N được giảm nhẹ mức hình phạt chính; miễn hình phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Quang N phạm tội "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điều 38, Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015): Xử phạt bị cáo Dương Quang N từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 06/02/2024) và tiếp tục tạm giam bị cáo N để đảm bảo thi hành án;

- Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T59; 01 phong bì niêm phong có ký hiệu B2 bên trong có chứa 01 phong bì ký hiệu A1 đã mở niêm phong.

- Áp dụng: Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Dương Quang N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo là người nghiện ma túy, nên ngày 06/02/2024 đã tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Khối lượng ma túy bị cáo N tàng trữ trái phép là 1,606g Heroine. Hành vi tàng trữ trái phép chất Heroine của bị cáo đã bị cơ quan Công an huyện Na Rì phát hiện và thu giữ vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 06/02/2024 tại khu vực bến xe khách huyện N thuộc tổ nhân dân B, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Do vậy, hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của BLHS 2015, nội dung điều luật quy định: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3] Xét các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý các chất biệt dược của Nhà nước; gây ra các tệ nạn ma túy, tệ nạn xã hội; để lại hậu quả nặng nề cho gia đình có người nghiện và xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Về nhân thân: Bị cáo Dương Quang N không có tiền án, tiền sự. Ngày 05/6/2019, bị cáo đã bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau bằng Quyết định số 104/QĐ-XPVPHC với hình thức phạt tiền. Ngày 18/6/2019, N đã chấp hành xong theo biên lai thu số 0427262 ngày 18/6/2019 của Agribank N, Bắc Kạn. Trong thời hạn một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên, bị cáo N không tái phạm nên được coi là chưa bị xử lý hành chính theo quy định tại Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, do bị cáo được UBND xã K xác nhận bị cáo là lao động chính của gia đình và đang có con nhỏ 07 tuổi và bị cáo là người có công chăm sóc, nuôi dưỡng cha vợ là ông Trịnh Xuân T1 được Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Hạng ba vì đã có thành tích phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo Lệnh số 180/LCT ngày 15/12/1979 được ghi sổ Huân chương số 8308T/BT và Huy chương kháng chiến Hạng nhì theo quyết định số 83KT/CTN ngày 12/12/1997, nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 cùng Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của BLHS 2015.

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết quyết định mức hình phạt và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức

độ, hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để tuyên truyền pháp luật trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về ma túy đạt hiệu quả. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định, chỉ là lao động tự do để sinh sống, thu nhập thấp, không ổn định, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 249 của BLHS 2015 đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 06/02/2024, do không xác định được lai lịch của người này nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T59, bên trong có chứa mẫu vật hoàn trả lại sau giám định là 1,563g ma túy loại Heroine cùng phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì niêm phong có ký hiệu B2 bên trong có chứa 01 phong bì ký hiệu A1 đã mở niêm phong là vật chứng của vụ án bị Nhà nước cấm lưu hành và đã có kết luận giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên cần tịch thu tiêu hủy.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 22/3/2024.

[6] Về án phí: Do bị cáo không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền án phí theo quy định của pháp luật, nên buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm về tội danh, điều luật áp dụng; mức hình phạt; biện pháp tư pháp của của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015;

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 329, 331, 333 của BLTTHS 2015.

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

[1] Về Tội phạm: Tuyên bố bị cáo Dương Quang N (Tên gọi khác: Không) phạm tội "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Về hình phạt:

- **Hình phạt chính:** Xử phạt bị cáo Dương Quang N 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 06/02/2024).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Quang N 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng:


- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có ký hiệu T59, bên trong có chứa mẫu vật hoàn trả lại sau giám định là 1,563g ma túy loại Heroine cùng phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì niêm phong có ký hiệu B2 bên trong có chứa 01 phong bì ký hiệu A1 đã mở niêm phong.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 22/3/2024.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Dương Quang N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS huyện Na Ri; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện Na Ri;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA